

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 37

Phẩm 4: NÓI VỀ NGHIỆP (PHẦN 5)

Như thế, đã kiến lập biểu và vô biểu thành tựu rồi. Ở trong đó, sự khác nhau giữa ba thứ luật nghi, làm sao đạt được? Tụng nói:

Định sinh được địa định

Thánh kia được đạo sinh

Luật nghi biệt giải thoát

Được do người khác dạy...

Luận nói: Luật nghi tinh lự và tâm đều được. Nếu được luật nghi tinh lự, tâm địa tinh lự, căn bản, phần gần hữu lậu, thì bấy giờ liền được tâm tinh lự kia đều có, nên khi ở cõi Vô sắc mất, sinh xuống cõi Sắc, thuận theo được trong địa kia mà sinh đắc tinh lự, tức cũng được luật nghi cùng hiện hành của địa kia, luật nghi vô lậu đều có với tâm.

Nếu được tâm địa tinh lự căn bản phần gần vô lậu, lúc ấy là được.

Ở đây, lại có hai thứ. Nghĩa là do gia hạnh và lìa nhiễm. Do gia hạnh nghĩa là như đắc thuộc đạo gia hạnh thắng tấn. Do lìa nhiễm, nghĩa là như đắc thuộc về đạo Giải thoát Vô gián.

Tiếng vô lậu kia là nói lên tâm tinh lự ở trước. Lại, nói là Thánh, tức phân biệt nhận lấy vô lậu, sáu địa tinh lự có tâm vô lậu, đó là Vị chí, Trung gian và bốn định căn bản, không phải ba phần gần, như sau sẽ nói.

Tụng nói: “Định sinh được địa định”, lời nói này có lỗi. Vì lấy địa định để nói thâm nhiếp chung địa này với tất cả các pháp luật nghi, cũng là đối tượng gồm nhiếp của địa này. Đây chính là được luật nghi. Vì được luật nghi, nên nếu nói rằng, thì sẽ không được thành.

Trong đây, Kinh chủ nên tự tư duy, lựa chọn, nên chỉ nói được tinh lự: Luật nghi biệt giải thoát, do sự truyền dạy v.v... của người khác

mà được. Có khả năng giáo hóa người khác, nghĩa là vì người khác. Vì từ sức giáo hóa của người khác như thế phát ra giới, nên nói giới này do người khác truyền dạy mà được. Giới này lại có hai thứ, nghĩa là từ Bồ-đặc-già-la tăng-già có khác nhau. Từ Tăng-già được, nghĩa là Bí-sô, Bí-sô-ni và Chánh học giới. Từ Bồ-đặc-già-la được, nghĩa là năm thứ giới khác.

Các sư Tỳ-bà-sa thuộc Tỳ-nại-da nói có mười thứ được pháp cụ giới, vì thâm nhiếp mười thứ đó, nên lại nói v.v... Mười thứ đó là:

1. Do tự nhiên: Là Phật, Độc giác tự nhiên: trí do không từ thầy chứng, trí này được giới cụ túc.

2. Do Phật dạy: Thiện lai Bí-sô! Là Da-xá v.v... do sức của bản nguyện, oai lực của Phật che chở.

3. do được nhập chánh tánh ly sinh: Nghĩa là năm Bí-sô do chứng Kiến đạo, được giới cụ túc.

4. Do tín thọ Đức Phật làm Đại sư: Là như Đại Ca-diếp.

5. Do khéo đáp câu hỏi: là như Tô-đà-di.

6. Do kính thọ tám pháp tôn trọng: là như Đại sinh chủ.

7. Do sai khiến: là pháp truyền trao cho ni.

8. Do vâng giữ luật, làm người thứ năm: Nghĩa là đối với nước ngoại biên.

9. Do chúng mười người: Nghĩa là nơi có Phật giáo lưu hành.

10. Do ba thuyết quy Phật, Pháp, Tăng: Nghĩa là sáu mươi bộ Hiền cùng nhóm họp, thọ giới cụ túc.

Ở đây, hoặc do sức của bản nguyện, hoặc vì A-thế-da cùng cực viên mãn, hoặc được oai thần che chở của đấng Bạc-già-phạm, tùy theo chỗ thích ứng mà được giới cụ túc.

Như thế, đã nói luật nghi biệt giải thoát. Nên giới hạn thời gian bao nhiêu, phải định kỳ mà thọ? Tụng nói:

Luật nghi biệt giải thoát

Suốt đời, hoặc ngày, đêm.

Luận nói: Giới biệt giải thoát, đối tượng nương tựa của bảy chúng, chỉ nên suốt đời, phải đúng kỳ hạn mà thọ. Giới biệt giải thoát, đối tượng nương tựa của cận trụ, chỉ một ngày, đêm phải đúng thời gian mà thọ.

Thời gian này được quy định như vậy là vì sao? Vì không phải là nghĩa lý tương ứng của Tỳ-nại-da, không phải đấng Nhất thiết trí, có thể lường tính sự thật ấy, nghĩa là giới biệt giải thoát có nhân gì? Có chấp ba y v.v... ở trong chúng, lễ chúng, cầu thầy, xét hỏi, ngăn dứt, vấn nạn,

bạch tứ yết ma vì làm trước nên được. Hoặc có người chỉ nhờ vào duyên dạy bảo v.v.... của Bồ-đặc-già-la, làm trước nên được. Hoặc có người được giới, không nhờ duyên ngoài. Những việc này, phải có lý quyết định. Đức Phật biết, mà nói là không phải đối tượng lường tính khác.

Lại, vì sao tạo ra Vô gián?

Về sau, dù ăn năn hổ thẹn, tu các nghiệp thiện, về lý nhân quả, có thể tin biết nhất định, mà giới ở trong thân, vì không chấp nhận phát khởi, nên Đức Phật ngăn dứt người xuất gia kia thọ giới cụ túc, biết nhất định có riêng thuận với thân thọ giới, do thọ Thi-la, có công năng cứu khổ đường ác, không phải giới đã thọ đọa vào Vô gián, chắc chắn có thể chiêu cảm thọ quả tương ứng, cũng chẳng phải không có công năng chiêu cảm quả về sau. Lại, không phải người kia, không phải cảnh bị của Phật. Về lý, nhất định có chủng tánh luật nghi, chỉ dựa vào chỗ này, chỗ khác không sinh.

Vì thế, không nên gạn hỏi lý do kia.

Có sư khác nói: Đức Thế Tôn biết rõ về bờ mé thời gian giữ giới chỉ có hai thứ:

1. Bờ mé của thọ mạng (trọn đời).
2. Bờ mé của ngày đêm.

Nói lại ngày, đêm làm nửa tháng v.v... nên Phật chỉ nói hai loại thời gian thọ giới, pháp gọi thời gian không phải lìa các hành. Chỉ phần vị sáng, tối, bốn châu không đồng, như kế nên biết lập làm ngày đêm.

Trong đây, Kinh bộ nói như thế này: Thọ giới trọn đời trong hai bờ mé, có thể được như vậy. Sau khi chết, dù có kỳ hạn trong yếu, nhưng không thể sinh giới biệt giải thoát. Vì dựa vào thân riêng, nên dựa riêng vào trong thân khác. Vì không có gia hạnh, không có nhớ nghĩ, nhưng sau một ngày đêm hoặc năm, hoặc mười. Trong ngày đêm v.v... thọ giới Cận trụ, pháp nào làm chướng ngại, khiến cho đa số chúng kia, luật nghi Cận trụ chẳng phải cũng được khởi? Sư kia nói như thế, há trái với kinh. Biết khắp các kinh không hề thấy nói quá ngày, đêm thọ luật nghi Cận trụ, vì sao các ông dùng tuệ kém của mình, lường xét làm kém đi cảnh Nhất thiết trí của Chư Phật, thường nói năm đêm đồng thọ luật nghi Cận trụ, do trong kinh Phật, chỉ nói ngày, đêm. Phái Đối pháp cũng nói thế này: Luật nghi Cận trụ chỉ thọ ngày, đêm, tất nhiên là có pháp có thể làm chướng ngại, khiến qua ngày đêm, giới kia bất sinh, nên trong kinh Đức Phật chỉ nói ngày, đêm, nhưng thuyết kia lại nói: “Nên tầm, tư chung”, vì Phật chánh quán sau một ngày, đêm, về lý, không chấp nhận khởi luật nghi Cận trụ, nên trong kinh, nói một ngày

đêm, vì quán căn, đối tượng hóa độ, người khó điều phục. Vả lại, nên trao cho giới một ngày, đêm, căn cứ vào giáo lý nào để nói lời như thế? Vượt qua thời gian này, giới sinh không trái lý lại, giảm ở thời gian này, trái với lý nào?

Nghĩa là người được hóa độ, căn tánh khó điều phục. Đã thừa nhận vì nói luật nghi ngày, đêm, sao không vì điều phục dần người khó điều phục? Nói chỉ khoảng thời gian một ngày, một đêm, vì căn khó điều phục, có nhiều phẩm. Do đó, biết có thời gian nhất định của Cận trụ, hoặc giảm, hoặc tăng, bèn không phát ra giới. Vì Đức Thế Tôn quán thấy, nên chỉ nói thời gian này. Thế nên, Kinh bộ và sư chánh lý không có tranh cãi trong lý với tranh luận.

Căn cứ ở bờ mé nào được bất luật nghi? Tụng nói:

Giới ác không ngày, đêm

Không phải như thọ thiện.

Luận nói: Phải là kỳ hạn trọn đời gây ra các nghiệp ác, được bất luật nghi, không phải một ngày, đêm như giới Cận trụ. Vì sao? Vì bất luật nghi này không phải như thọ giới thiện, nghĩa là sẽ không lập hạn định đối trước sư thọ bất luật nghi, như giới Cận trụ ta một ngày đêm, nhất định thọ bất luật nghi.

Đây là nghiệp mà người trí quả trách, nhằm chán, mặc dù cũng không lập thời hạn đối trước sư nói: “Tôi sẽ suốt đời gây ra các nghiệp ác”, nhưng do phát khởi ý ưa thích phá hoại điều thiện, vì muốn mãi mãi tạo ác được bất luật nghi, không phải khởi ý ưa tạo ác tạm thời, không có sư truyền mà được giới bất luật nghi nên biết bất luật nghi không có một ngày, đêm. Tuy nhiên, công đức của giới Cận trụ có thể đáng mừng do hiện tại, sức thọ của kỳ hạn phải đối trước sư, dù không có ý ưa thích hủy bỏ điều ác đến rốt ráo, nhưng vì qua một ngày, đêm được luật nghi Cận trụ, nên được bất luật nghi khác và được luật nghi khác.

Luật nghi này cùng có thật, đã thành lập rộng, nói luật nghi Cận trụ một ngày, đêm. Khi muốn chính thức thọ, sẽ thọ như thế nào? Tụng nói:

Cận trụ vào buổi sáng

Tòà dưới theo thầy thọ

Theo giáo thuyết đủ chi

Ngày, đêm là trang sức.

Luận nói: Luật nghi cận trụ được thọ vào lúc sáng sớm, nghĩa là thọ giới này, phải vào lúc mặt trời vừa mọc. Giới này phải trải qua một ngày đêm. Các hữu trước hết, lập kỳ hạn như thế này: Tôi sẽ quyết định

thọ luật nghi cận trụ này vào ngày mồng tám mỗi tháng. Nếu buổi sáng có duyên trở ngại, thì sau khi thọ trai rồi cũng được thọ.

Nói Hạ tọa, nghĩa là ngồi ở chỗ thấp trước thầy, thân, tâm khiêm tốn, kính trọng. Thân khiêm tốn kính trọng, là hoặc ngồi soạc đùi, hoặc quỳ, khom người xuống, chấp tay, chỉ trừ trường hợp bị bệnh, tâm khiêm tốn cung kính, là đối với sư trao giới, tâm không khinh dễ, ngạo mạn, đối trước Tam bảo, sinh lòng tin tịnh, ân cần, tôn trọng, vì các luật nghi được phát sinh từ cử chỉ kính tin, nếu không khiêm tốn, kính tin, thì luật nghi sẽ không phát. Luật nghi này, tất nhiên là từ sư, không chấp nhận tự thọ, vì về sau, nếu gặp phải các duyên phạm giới, nhờ hổ thẹn đối với giới sư, có thể không trái phạm. Nghĩa là người kia dù thiếu tăng thượng pháp mình, do thế gian tăng thượng, cũng có thể không trái phạm, thọ luật nghi này nên theo lời sư dạy bảo. Người thọ, về sau nói: Chỗ trước chỗ cùng. Như thế, mới thành thọ nhận từ sư truyền dạy. Trái lại, việc truyền trao và thọ lãnh, cả hai đều không thành. Thọ đủ tám chi, mới thành Cận trụ, tùy theo chỗ thiếu, Cận trụ sẽ không thành. Các chi xa lìa lệ thuộc nhau. Do đó, bốn thứ chi lìa sát v.v... ở trong một thân, có thể cùng lúc khởi, do các tướng xa lìa trong lệ thuộc nhau, hoặc nhiều, hoặc ít vì khác nhau. Người thọ giới này tất nhiên lìa các sự trang sức và buông lung các dụng cụ thường trang sức thân. Không phải bỏ hẳn, nhưng vì duyên giới này, không thể sinh tâm buông lung, như sự đổi mới.

Thọ luật nghi này, phải là ngày, đêm, nghĩa là vào lúc sáng sớm lúc mặt trời vừa ló dạng, trải qua thời gian như thế, giới thường nối tiếp nhau. Khác với đây, thì người thọ, chỉ sinh hạnh diệu, không được luật nghi. Tuy nhiên, vì khiến chiêu cảm quả đáng yêu thích nên cũng vì thọ. Lại, nếu thọ suốt ngày, đêm như đây, thì sẽ chế phục đủ các người giết mổ, thợ săn, hữu tình gian manh, trộm cắp, luật nghi cận trụ sâu xa trở thành có tác dụng.

Nói Cận trụ, nghĩa là luật nghi này, trụ gần A-la-hán để theo học A-la-hán.

Có thuyết nói: Giới này gần với việc giữ giới trọn đời.

Có thuyết nói: Giới này trụ trong thời gian gần, luật nghi như thế, hoặc gọi là nuôi lớn, nuôi lớn hữu tình có thiện căn mỏng manh, khiến cho thiện căn của họ ngày càng thêm nhiều.

Vì sao thọ luật nghi cận trụ này, phải đủ tám chi không thêm, không bớt? Tụng nói:

Chi giới cấm không dật

*Thứ lớp bốn, một, ba
Vì giữa các tánh tội
Mất niệm và kiêu, dật.*

Luận nói: Bốn chi trước trong tám chi là chi Thi-la, nghĩa là từ lìa sát sinh, đến lìa nói lời dối. Do bốn thứ này lìa tánh tội. Kế là, có một thứ là chi không buông lung, nghĩa là lìa vật uống các thứ rượu, sinh ra buông lung. Tuy có thọ Thi-la nhưng nếu uống các thứ rượu, thì sẽ buông lung hủy phạm Thi-la, vì đã say, thì không còn khả năng gìn giữ chi khác.

Về sau, có ba thứ chi là cấm ước, nghĩa là lìa trau chuốt trang sức hương thơm, đeo tràng hoa, cho đến ăn phi thời, vì thuận theo tâm chán lìa. Sự chán lìa có công năng chứng quả luật nghi.

Hỏi: Vì sao thọ đủ ba chi như thế?

Đáp: Vì nếu không thọ đủ chi thì sẽ không thể lìa được tánh tội và lỗi lầm, mất niệm, kiêu mạn, buông lung. Nghĩa là đầu tiên lìa sát sinh, cho đến lìa nói dối, có thể đề phòng tánh tội, vì lìa tham, giận, si làm khởi các nghiệp ác như sát v.v... Kế là lìa uống rượu, có công năng ngăn dứt sự mất chánh niệm vì khi uống rượu, khiến cho quên mất các việc nên làm hay không nên làm, tất nhiên không thể giữ gìn các chi xa lìa khác. Lìa ba chi còn lại, có công năng đề phòng kiêu mạn, buông lung, vì nếu nhận dùng đủ thứ hương, tràng hoa, giường ghế cao rộng, tập cận, ca, múa, tâm bèn kiêu mạn, tìm tòi tức thì trái phạm giới. Do lìa các thứ đó, nên tâm sẽ lìa sự kiêu mạn, nghĩa là hương, tràng hoa v.v... nếu thường thọ dụng, thì vẫn còn thuận với thái độ kiêu mạn làm duyên phạm giới, huống chi người thọ là mới từng chưa thọ, nên tất cả các thứ ấy nên lìa bỏ. Nếu có thể ăn theo đúng thời, tức là có thể ngăn dứt thường ăn, bèn nhớ lại luật nghi Cận trụ mà mình đã thọ, có thể sinh ra sự chán lìa sâu xa đối với thế gian. Nếu ăn phi thời, thì cả hai việc này đều không có. Thường ăn khiến cho tâm buông lung. Do nghĩa lớn này, nên thọ đủ ba.

Có sư khác nói: Lìa ăn phi thời, gọi là thể của trai, có tám thứ còn lại, được gọi là chi trai. Trau dồi hương, tràng hoa, ca múa, xem nghe là chia làm hai. Nếu chấp như vậy, thì trái với Khế kinh. Khế kinh nói: Lìa ăn phi thời rồi nên nói rằng: Với chi thứ tám ấy, nay tôi thuận theo bậc Thánh A-la-hán, hành theo, làm theo.

Nếu vậy, có thể của trai riêng nào mà nói tám thứ ấy được gọi là chi trai.

Sư Tỳ-bà-sa nói: Lìa ăn phi thời là trai, cũng là chi trai, bảy chi

còn lại là chi trai, không phải trai. Như chánh Kiến đạo, cũng là chi đạo, bảy chi còn lại là chi đạo, không phải là đạo. Trạch pháp giác là giác, cũng là chi giác, sáu chi còn lại là chi giác, không phải giác. Tam-ma-địa là tĩnh lực, cũng là chi tĩnh lực, số chi còn lại là chi tĩnh lực, không phải tĩnh lực.

Ở đây, Kinh chủ đã làm vấn nạn thế này: Không thể chánh kiến v.v... tức chi chánh kiến v.v.... Nếu cho rằng chánh kiến v.v... của sự sinh trước là chi chánh kiến v.v... của sự sinh sau, thì Thánh đạo v.v... của sát-na đầu tiên, lẽ ra không có đủ tám chi v.v... Không phải Tỳ-bà-sa nói chánh kiến v.v... thể nó tức là chi chánh kiến v.v... cũng không phải chánh kiến v.v... của sự sinh trước, là chi chánh kiến v.v... của sự sinh sau. Nhưng đối với tám thứ như chánh kiến v.v... câu sinh, chỉ một chánh kiến có khả năng tìm cầu sức tướng của các pháp, được gọi là đạo. Do khả năng tìm cầu nghĩa đạo ấy, nên tức chánh kiến này. Lại, vì thuận theo chánh tư duy v.v... nên gọi là chi. Bảy chi còn lại, vì đối với pháp câu sinh, có thể thuận theo, nên gọi là chi, không phải hay tìm cầu, không gọi là đạo.

Nghĩa thật là như thế, nếu căn cứ ở giả gọi, thì bảy chi còn lại, đều có công năng nuôi lớn chánh kiến, nên tư duy v.v... cũng được gọi là đạo, kiến gọi chi đạo cũng không trái lý, thế thì tất cả vừa là đạo, cũng chi, các chi khác, tùy theo sự thích ứng của chúng đều nói như thế.

Do đó, so sánh giải thích tám chi trai giới.

Kinh chủ ở trong đó, nhờ vào cái gì để nói lỗi?

Vì chỉ Cận sự được gọi Cận trụ hay hữu tình khác cũng có Cận trụ? Tụng nói:

Cận trụ khác cũng có

Chẳng thọ tam quy: không.

Luận nói: Các hữu tình chưa thọ luật nghi cận sự, quy y Tam bảo trong một ngày, đêm, nói tam quy y xong, thọ giới cận trụ, hữu tình kia cũng thọ được luật nghi cận trụ. Khác với đây thì không có, trừ người không biết, do sức ưa thích của ý, cũng phát luật nghi.

Há không phải ba quy y tức thành cận sự, như Khế kinh nói: Phật bảo Đại Danh! Các hữu tình tại gia, người nam bạch y, căn nam thành tựu, quy y Phật, Pháp, Tăng, khởi tâm tịnh, ân cần phát thành ngữ đế, tự xưng con là Ô-ba-sách-ca, xin tôn kính, nhớ giữ, từ bi hộ niệm trai, đây gọi là Ô-ba-sách-ca. Điều này không trái nhau, vì ở vị thọ ba quy, chưa thành Cận sự. Vì sao? Vì phải phát luật nghi mới thành Cận sự.

Phát luật nghi cận sự phát vào thời gian nào? Tụng nói:

*Xưng Cận sự phát giới
Giảng nói như Bí-sô...*

Luận nói: Khởi tâm tịnh ân cần phát lời nói chân thành chắc chắn, tự xưng con là Ô-ba-sách-ca, xin tôn kính nhớ giữ, từ bi hộ niệm. Lúc ấy mới phát khởi luật nghi Cận sự, vì xưng nói Cận sự v.v... mới phát luật nghi. Do kinh lại nói: Con từ nay, cho đến khi qua đời, vì nói giữ gìn mạng sống. Nếu lìa xưng gọi, chỉ thọ ba quy y, thành Cận sự thì tự xưng qua lời nói: Con là Cận sự v.v... nên là vô dụng.

Hỏi: Vì căn cứ ở nghĩa nào nói giữ gìn mạng sống?

Đáp: Vì luật nghi biệt giải thoát được giữ gìn mạng sống, nhưng có bài tụng khác nói: Xả sự sinh, ấy lời nói này, ý nói xả sát sinh v.v... lược bỏ sát v.v... chỉ nói xả sự sinh. Hữu tình kia dù đã được luật nghi Cận sự, nhưng vì để cho biết rõ chỗ đáng nên học. Lại, vì nói lìa năm thứ giới tướng như: sát sinh v.v... khiến cho sự nhận thức được vững, như được giới cụ túc của Bí-sô rồi nói học xứ lại, sao cho thức vững vàng, Cần sách cũng như vậy. Điều này cũng nên như thế. Cho nên, Cận sự, tất nhiên đủ luật nghi, chứ không phải thọ ba quy y, thì thành Cận sự. Tụng nói:

*Nếu đều đủ luật nghi
Sao nói là một phần ...
Dựa năng trì nên nói.*

Luận nói: Với nghĩa lý mà kinh bộ trước kia đã nói, tâm không sinh vui mừng. Lại, nếu vấn nạn này: Nếu các Cận sự đều đủ luật nghi thì vì sao Đức Thế Tôn lại nói có bốn thứ:

1. Có thể học một phần
2. Có thể học phần ít
3. Có thể học nhiều phần
4. Có thể học mãn phần.

Há do đó, vả lại đã chứng thành, không phải chỉ ba quy y, thì thành Cận sự! Nghĩa là nếu có riêng, chỉ thọ ba quy, liền thành cận sự. Cận sự như thế, không thuộc về bốn thứ nói ở trước, lẽ ra lại nói có Cận sự thứ năm. Cận sự này hoàn toàn không có sở học đối với học xứ, lẽ ra cũng vì nói làm một Cận sự. Đức Phật quán sát Cận sự không lìa luật nghi, nên trong Khế kinh chỉ nói bốn thứ. Mặc dù các cận sự đều đủ luật nghi, nhưng vì căn cứ ở công năng gìn giữ nên nói bốn thứ, nghĩa là dù thọ đủ năm chi, luật nghi, nhưng về sau, gặp duyên, bèn hủy hoại, thiếu sót. Trong đó có khi đối với các học xứ gìn giữ một phần, cho đến có khi gìn giữ đủ năm chi, nên nói thế này: Vì năng trì luật nghi đã thọ trước,

nên nói có thể học. Không như vậy, thì nên nói vì thọ một phần v.v... nên bốn thứ này chỉ căn cứ ở khả năng thọ trì.

Kinh chủ ở trong đây, nói như thế này: Chấp như thế, trái với Khế kinh. Trái kinh như thế nào?

Nghĩa là không có kinh nào nói: Tự xưng: “Con là Cận sự”, nên phát khởi năm giới. Kinh này không nói: Con từ nay, cho đến khi qua đời, nói xả sự sinh.

Kinh nói như thế nào?

Như kinh Đại Danh, chỉ trong kinh này nói về tướng Cận sự, vì kinh khác không như vậy, nên trái với kinh. Tuy nhiên kinh khác nói: Con từ thời nay cho đến khi qua đời, bỏ sự sinh, trở về tịnh, là phát lời thành tín, quy y Tam bảo. Trong đây, chỉ rõ người đã kiến đế, do được chứng tịnh. Nêu lên mạng sống, tự bày tỏ sự cần thiết với chánh pháp mà kính trọng sâu xa, cho đến làm duyên cứu giúp sinh mạng mình, không bao giờ bỏ chánh pháp của Như Lai. Không phải kinh kia vì muốn nói về tướng Cận sự, nên nói bỏ sự sinh v.v... như thế. Chưa hiểu rõ ý nói Kinh chủ trong đây, là vì muốn khuyên các sư trung quốc hãy cố gắng thọ trì, đọc tụng kinh bộ của phương ngoài, hay vì thọ trì Khế kinh mà Phật đã nói. Tuy nhiên, có các kinh không trái với chánh lý, kinh bộ của phương ngoài, không hề thọ trì. Có A-cấp-ma vượt hơn tụng chung, kinh bộ kia tuân theo ý tạo, lại tự thọ trì. Kinh chủ há chấp nhận khiến trong nước ta, khéo giám sát Thánh giáo, các vị đại luận sư đồng với kinh bộ kia trái với chân, thọ trì giáo ngụy. Vả lại, kinh đã nói: Ta từ nay, cho đến khi qua đời, bỏ sự sinh v.v... nên chỉ nói người được chứng tịnh, không phải các phàm phu cũng lập thế này. Các loại phàm phu sấp thọ luật nghi, cũng có ý ưa thích vững chắc như đây, cho đến làm duyên tự cứu sinh mạng, không bao giờ thọ trì thiếu, trái với học xứ, như lời nguyện đây hiện đời thể được. Nhưng văn cú trong kinh Đại Danh này, hiện có người vì thọ trì không trái với chánh lý, vì thế không nên bỏ chánh văn đã tụng. Nếu kinh Đại Danh không có câu văn này thì đối với nghĩa của tông ta cũng không có gì sai trái, không phải ngôn thuyết của tông ta, câu văn này rất ráo mới phát luật nghi Cận sự. Do thuyết tự xưng: Con là Cận sự, thỉnh gia trì hộ niệm, nên phát khởi luật nghi để tự phát ngôn: “Tiêu biểu là đệ tử”, như Đại Ca-diếp được giới Cụ túc, Đức Thế Tôn đã nói là Ô-ba-sách-ca, lẽ ra phải thọ trì đủ năm thứ học xứ. Thuyết kia nói: “Ta là Ô-ba-sách-ca, tất nhiên, đủ luật nghi”, tại sao lại nhọc sức gây nên mê hoặc, như xưng: Ta là đại quân sư của nước, người ấy tất nhiên đã tập quen sự nghiệp binh tướng.

Căn cứ vào dụ như thế, người trí nên tư duy. Rõ ràng như thế, không vượt qua lý giáo. Nếu không chịu thọ, thì biết làm sao?

Lại, Kinh chủ nói: Căn cứ ở giới trì, phạm, để nói một phần v.v... còn không nên hỏi, hướng chi nên đáp. Có ai đã hiểu luật nghi Cận sự, tất nhiên đủ năm chi, mà lại không thể hiểu về đối tượng học xứ, là giữ gìn một không phải chi khác, cho đến giữ đủ, gọi một phần v.v... Do người tụng kia chưa hiểu lượng thọ nhận của luật nghi Cận sự là ít hay nhiều, nên thỉnh hỏi.

Thông thường có bao nhiêu hạng Ô-ba-sách-ca có khả năng học, học xứ?

Đáp: Có bốn loại Ô-ba-sách-ca, nghĩa là khả năng học một phần v.v... cũng chưa thể hiểu rõ. Lại hỏi:

Sao gọi là khả năng học một phần, cho đến nói rộng?

Điều này hoàn toàn vô lý, vì chỉ trong lý mà tông Đối pháp đã nói, là nên hỏi đáp. Mặc dù biết Cận sự, tất nhiên đủ luật nghi mà chưa biết rõ tùy theo phạm một thứ là vì vượt tất cả hay một không phải thứ khác.

Do có ố ngờ vực này, nên phải thưa hỏi. Các bộ nếu có bộ nào chưa đọc thấy văn này, ở trong nghĩa này cho đến nay, vẫn còn tranh cãi. Nếu khác với đây, kinh Phật thường nói: Ô-ba-sách-ca đủ năm học xứ. Thử hỏi có ai ở đây đã khéo biết rõ, mà còn hoài nghi hỏi thọ nhiều ít? Giải thích thừa nhận như thế, thì trái với nghi vấn, nghĩa là người tụng vốn nghi ngờ ở lượng thọ nhiều ít, mà hỏi có bao nhiêu khả năng học, học xứ? Đáp: Học một phần v.v...

Há dứt trừ nghi ngờ vốn có, tức trong nghĩa ấy không nên hỏi đáp!

Kinh chủ ở đây, không tâm tư đúng, mang cố chấp phe phái tranh luận trong lý, trái lại nói trong nghĩa mà Đối pháp đã nói, hỏi còn không nên, hướng chi nên đáp.

Có sư khác nói: Do Khế kinh riêng, chứng lìa luật nghi, cũng thành Cận sự. Như Khế kinh nói: Ngang đâu gọi là Thi-la viên mãn của Ô-ba-sách-ca? Nghĩa là các Cận sự có khả năng dứt sát sinh, hay lìa sát sinh, cho đến uống rượu, nên biết Cận sự có thiếu luật nghi.

Sư kia rất mê mờ ý nghĩa của kinh này. Ý kinh này nói Thi-la vô lậu, vì trong đây không có tiếng “trộn đời. Lại, như kinh nói: Ngang đâu gọi là Ô-ba-sách-ca, tín căn viên mãn, nghĩa là có Cận sự trụ ở chỗ Như Lai, có tín căn cho đến nói rộng. Không thể nói có Ô-ba-sách-ca, tín này không thành, tức hoàn toàn không niềm tin. Như kinh này nói: Nói

tín viên mãn, vì chỉ y cứ ở vô lậu, nên biết nói giới nói viên mãn không phải y cứ hữu lậu, mà chỉ y cứ ở vô lậu để nói như thế.

Vì thế, không nên dẫn thuyết của kinh này nói để chứng có Cận sự không đủ luật nghi, vì trong giới vô lậu không có lìa uống rượu.

Cách giải thích này về lý, tất nhiên không đúng. Vấn nạn này không đúng, vì kinh này đã nói rõ ràng thể của giới vô lậu có công năng vượt hơn, nghĩa là Đức Phật chỉ rõ sức giới vô lậu, có công năng khiến cho luật nghi Cận sự đã thọ, cho đến đến giới già (ngăn) cũng nhất định không phạm, nên kinh này căn cứ Thi-la vô lậu, nhằm nói lìa uống rượu, cũng không có lỗi. Chính vì thế, nên Khế kinh nói: Người kiến viên mãn, không bao giờ cố ý trái phạm các học xứ. Hoặc kinh này nói Thi-la viên mãn, vì muốn biểu thị nghĩa thanh tịnh, cùng khắp của Thi-la, nghĩa là đối với năm giới, hoàn toàn không có hủy hoại, thiếu sót, mới gọi Thi-la thanh tịnh khắp.

Căn cứ sự thanh tịnh khắp để lập danh từ viên mãn, nếu quyết định không có lìa giới cận sự, nên trái với thuyết kinh nói. Hoặc có một loại tín đủ, không phải giới Ô-ba-sách-ca, loại này không trái nhau. Đây là nói Cận sự không thể Cụ túc. Người giữ năm giới, được gọi là tín đủ, không phải Thi-la đủ. Hoặc nói đủ ở đây là biểu thị nghĩa đáng khen, như nói gươm này đã mài rồi sắc đủ, chẳng phải gươm này chưa mài, sắc hoàn toàn không có, giới cũng nên như thế, gọi là đủ. Giới đủ các đức được lập, tên đáng khen, trái với đáng khen này, gọi là giới không đủ. Nếu thiếu luật nghi thì cũng gọi Cận sự, Bí-sô, Cần sách thiếu, lẽ ra cũng thành. Nhưng Kinh chủ nói: Vì sao không. Chấp nhận do Phật dạy, có sức gìn giữ không đồng, nên dù thiếu luật nghi, nhưng vẫn thành Cận sự. Bí-sô, Cần sách phải là đủ luật nghi.

Đây là Kinh chủ tự theo ý mình, vì không có kinh nào nói.

Trước đã nói: Chỉ kinh Đại Danh nói về tướng Cận sự, kinh khác không đúng. Nay, nên quyết định nói: Đức Thế Tôn nói ở đâu lìa luật nghi mà thành Cận sự?

Nghe nói kinh bộ có chấp rằng: Cũng có khi Cần sách, Bí-sô không có giới. Chấp của Kinh bộ kia, đồng với các kiến của ngoại đạo Bồ-lặc noa v.v... không phải tông của Phật pháp.

Tất cả phẩm loại luật nghi có bình đẳng không?

Phẩm loại không phải bình đẳng, vì có ba phẩm, là hạ, trung, thượng, tùy theo riêng. Vì sao được thành? Tụng nói:

Hạ, trung, thượng tùy tâm.

Luận nói: Giới Biệt giải thoát mà tám chúng đã thọ, tùy theo sức

tâm thọ, thành thượng, trung, hạ. Do lý như thế, các A-la-hán, có khi có vị thành tựu luật nghi phẩm hạ, nhưng các phạm phu hoặc trở thành phẩm thượng.

Ở đây, Thượng tọa bộ bác bỏ rằng: Tông như thế trái với giáo chánh lý. Nếu phải như thế, thì sẽ không có ai siêng năng mạnh mẽ tu giữ cấm giới. Đức Thế Tôn cũng nói: Quý tặc đã chấp hành, đều được viên mãn. Đối với tội nhỏ nhiệm, cảm thấy rất sợ hãi. Đây chỉ vì gìn giữ các giới đấng trước kia, không để cho hủy hoại, nên phát khởi siêng năng mạnh mẽ, không phải do tu trì, khiến phẩm trung, hạ, chuyển thành thượng trung, cũng không phải do khởi siêng năng mạnh mẽ ấy là bỏ trung hạ được giới thượng trung.

Do đó, tức giải thích Khế kinh đã dẫn, cũng chỉ căn cứ gìn giữ luật nghi như trước đã được, có thể ở trong tội nhỏ nhiệm hủy phạm, vì cảm thấy vô cùng sợ hãi, nên nói như thế, không nói do đó, khiến cho giới tăng dần..

Lại, thuyết kia nói: Các pháp hữu vi, sát-na không trụ, nên giới đã thọ do sức các duyên và A-thế-da. Từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng, điều này cũng phi lý, vì thọ luật nghi dựa vào duyên thù thắng mới được sinh, nghĩa là sự thọ giới phải nhờ duyên thọ, được rồi không chấp nhận thường thọ lại. Nếu trước thọ rồi sau lìa duyên thọ, ngoài đó gặp duyên khác có thể được lại nữa thì trước chưa thọ giới, ngoài đó gặp duyên khác cũng nên có thể được giới, vì không khác nhau. Mặc dù các hữu vi đều nhờ duyên khởi, nhưng giới tất nhiên là nhờ vào duyên thù thắng mà sinh, nên thuyết kia nói, nhất định không đúng, vì căn cứ vào nghĩa nào để nói Ô-ba-sách-ca, trước quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, gần gũi, kính thờ, đã tôn trọng sự, bèn được Thi-la, nên gọi là Cận sự, hoặc hay tập cận tạo tác đúng lý phá trừ việc ác, nên gọi là Cận sự. Hoặc hay gần gũi, vì thờ Phật làm thấy, nên gọi là Cận sự. Phần đồng chư Phật được Thi-la thanh tịnh, vì ý ưa thiện, như có bài tụng nêu:

*Ở xa mà gần Phật
Do siêng năng quy lễ
Có bi, lìa tướng ác
Nên gọi là Cận sự.*

Nay nên tư duy lựa chọn:

Thế gian không có trí nên thờ các vị thần của chư thiên, vì các cận sự lễ đáp lại trời kia. Như lễ Đức Thế Tôn vì không đáp lại lễ, vì sao ở đây, bỗng nhiên sinh nghi?

Vì ở thế gian hiện có một loại thờ trời tà, ái nhiễm huân tập tâm

họ, ưa theo ý mình, làm các sự việc, không căn cứ ở Lý giáo, giả dối nói rằng: Ô-ba-sách-ca đáp lại lễ chúng trời, vì Đức Phật cho phép, có nghĩa là Đức Phật cho cúng dường thần trời, nên đáp lại lễ trời, như nói: Vì đáp lại theo niệm trời, nên đáp lại lễ trời, như nói: Thuận theo niệm Phật, Pháp, Tăng bảo. Lại, vì không ngăn dứt nên cho rằng: Không có kinh nào ngăn dứt Ô-ba-sách-ca lễ chúng chư thiên. Lại, vì có ơn, nên cho: Chư thiên kia kế thừa, thờ phụng hợp với nghi thức, hay ban ơn, phước. Lại, vì làm tổn hại, nên cho rằng: Thiên thần kia, thờ phụng kế thừa sai nghi lễ, làm tổn hại lớn, nên các Cận sự nên lễ thiên thần.

Lược bày tông kia đã nói như thế, những vụ việc trên đây đều phi lý. Vả lại, thế gian kia nói: Vì Đức Phật cho phép, người lễ đáp lại trời, ý Phật không đúng, vì phân biệt nói, nghĩa là kinh kia nói: Các tịnh thí chủ đối với các thọ nhận thờ phụng, cúng tế thiên thần, trong mọi lúc nên dùng ba việc cúng dường không trái nhau, để lễ bái. Thần trời kia, đối với thí chủ, tất nhiên khởi tâm thiện, xót thương, hộ niệm, không để cho tổn não:

1. Ở mọi lúc nên bố thí nghiêm tịnh.
2. Ở mọi lúc nên đem vật cúng để bố thí.
3. Ở mọi lúc nên thí cho tụng, nguyện.

Dùng nêu lên ba việc trên đây, để làm nhân quyết định, nhằm chứng biết Đức Thế Tôn, ngoài ba việc này, mọi việc làm khác, đều không được Phật cho phép, không phải danh số nêu lên, ấy là chứng tỏ nghĩa quyết định. Như nói: Nói đất rung chuyển, không phạm v.v... là như kinh nói: “Vì bốn nhân duyên, nên mặt đất rung chuyển chẳng phải không còn có nhân duyên rung chuyển mặt đất ngoài bốn nhân duyên?”

Lại, như kinh nói: Các A-la-hán có thể đối với năm chỗ, rốt ráo không phạm. Chẳng phải không còn có chỗ không phạm khác.

Lại, như kinh nói: Ở trong năm chỗ, người tại gia, xuất gia, nên thường quán sát, chẳng phải không còn có chỗ khác nên quán sát.

Những lời nói như thế, loại ấy chẳng phải một. Ba việc nêu trên lễ ra cũng như vậy, không phải nhân quyết định.

Lời bào chữa này không đúng, như đất rung chuyển v.v... kinh khác nói: Vì không thể được.

Đây là nêu số nhất định, chẳng phải ở kinh khác, có lời nói không nhất định, như đất rung chuyển v.v...

Lấy việc này làm chứng, biết danh số, nêu lên trong kinh này, đều để biểu thị lý quyết định. Ngoài lý này ra, lý khác, không chấp nhận có.

Hoặc nên nói uẩn, xứ, giới v.v... như danh số này, đều trở thành không nhất định hoặc như nói danh số uẩn xứ giới, nhân địa động v.v... cũng nên nhất định. Vì sao một loại danh số được, nêu lên đã biểu thị trong nghĩa, hoặc nhất định, không nhất định, do ở chỗ khác, trừ chỗ này được sáng tỏ, hoặc không thấy chỗ khác, hoặc vì thấy chỗ khác. Nếu tất cả chỗ đều được dùng lời nói để nói là đồng, việc chấp đều bình đẳng sẽ thành lỗi lớn!

Nếu cho rằng, lời nói cúng dường v.v... mà kinh đã nói, tức đã chứng tỏ trở thành nên lễ bái thì Đức Phật lẽ ra phải sai khiến chúng thần của chư thiên, cũng nên lễ bái thí chủ có thể cúng tế, như kinh kia nói: Chúng thần của chư thiên đã được cúng dường và thờ phụng rồi nên phải cúng dường v.v... lại, để đền ơn thí chủ. Thế nên, trong đây chỉ căn cứ theo việc mà thiện thần kia ưa muốn, đều dâng cúng chính đáng, gọi là cúng dường v.v... không phải trình bày sự lễ kính. Chúng thần chư thiên, ở bên Cận sự không dám mong cầu sự kính lễ, như vua chúa trong nước đối với các Bí-sô, nhất định không mong cầu việc kính lễ, sợ e sẽ hao tổn công đức và tuổi thọ, như Khế kinh nói: trời Tỳ Sa-môn thỉnh Đại Mục Liên, Xá-lợi-tử, năm trăm Thánh chúng, vào trong cung, thiết lễ cúng dường rồi thỉnh thí cho tụng, nguyện. Lại xin từ nay những vị xuất gia, và Cận sự v.v... đến trong chùa thờ tôi, tất cả đều nên thí cho tôi lời tụng nguyện. Bà con chúng tôi cũng ngay từ lúc nay, thường dùng chuyên tâm chân thành hộ trì chánh pháp, khiến cho đệ tử Phật xuất gia, tại gia trong tất cả thời gian, thường không có nào hại.

Bấy giờ, hai vị Đại Thánh chấp nhận lời thỉnh cầu của Thiên vương Tỳ Sa-môn, bố cáo khắp tất cả các hữu xuất gia, tại gia, người thọ trì giới cấm giới Phật: Từ nay trở đi, đến trong chùa thờ trời, đều nên như pháp thí cho trời tụng, nguyện. Thế nhưng không hề bảo chấp tay lễ kính. Do chứng cứ này, biết nhất định Đức Thế Tôn ở trong kinh ấy không cho phép sự kính lễ.

Nói vì tùy theo sự nhớ nghĩ, nên lễ các trời, cũng không đúng, vì mê nghĩa kinh, nghĩa là ý kinh nói: Nên có cảm nghĩ, các hữu tình kia thành tựu tín v.v... từ đây xả mạng rồi sẽ được sinh lên bốn đại vương thiên và chúng trời khác, ta cũng thành tựu tín v.v... pháp thiện lẽ ra cũng đồng với hữu tình kia sẽ được sinh lên cõi trời, khiến thuận theo niệm trời và mình, đồng đức, không phải bảo kính lễ, gọi tùy niệm trời, nên dẫn kinh này đối với tùy niệm kia, không phải lời chứng. Vì không ngăn dứt, nên phải lễ trời ấy, cũng không đúng, vì nghĩa đã ngăn dứt. Kinh chỉ thừa nhận ba việc cúng dường thiên thần.

Há là ở đây nói nhất định đã ngăn dứt việc kính lễ?

Lại, căn cứ trong phần lược nói Tỳ-nại-da cũng đã có nghĩa ngăn dứt lễ thiên thần, nghĩa là Đức Phật có lược nói Tỳ-nại-da, bảo các Bì-sô: Ta theo câu văn đã ngăn dứt, đều không nên làm, cái mà ta đã khai cho, các thầy nên làm. Nếu không phải đối tượng bị ngăn dứt, không phải pháp đã khai cho, thuận với nhớ, trái với tịnh thì đều không nên làm, thuận với tịnh, trái với ô uế, các thầy nên làm.

Đã chấp Như Lai không ngăn dứt Cận sự lễ chúng chư thiên, cũng không hề thấy khai cho Cận sự lễ các thiên thần, Há là ở đây lẽ ra thuộc về nhóm thứ ba? Tuy nhiên, các Cận sự nếu lễ thiên thần thì như thế, đã làm thuận với nhớ, trái với tịnh, về lý lẽ ra Phật đã không cho làm, như vậy lại thành Phật đã ngăn dứt, mà nói không ngăn dứt.

Hỏi: Nhân không cực thành vì sao lễ trời là thuận với nhớ, trái với tịnh?

Đáp: Vì nếu Cận sự ưa lễ thiên thần, nên không khác nhau với ngoại đạo v.v... vì đã yêu thích đồ chúng tà mà tạo nghiệp. Lại, nếu Cận sự kính lễ thiên thần, thì phải ái nặng, khen luận tà của trời, bèn yêu thích kính trọng môn đồ tà của trời, đồng nhận Thi-la, làm bạn bè an ủi. Do phương tiện này gần gũi thầy tà, nhân đọa vào đường ác, ngày càng tăng thịnh, bền chắc. Từ đây, lần lượt cho đến nhiều đời, cũng vẫn ưa thực hành nhiều hạnh tà như thế. Lại, nếu kính lễ các thiên thần tà, do đây bèn ghét bỏ Thánh giáo của Như Lai, do kính lễ thiên thần tà, nghe công Đức Phật, sinh tâm giận dữ. Vừa có thể, ở mức giữa tâm không có yêu, ghét lại, kính lễ, giữ tâm đối với lỗi lầm, thì chắc chắn oán ghét ngờ vực người kính trọng công đức.

Hỏi: Vì sao tin tưởng thờ phụng thiên thần đại lực, mà nói là vì kính người lỗi lầm?

Đáp: Vì người kia kính lễ, thường ưa thích người khác, trái với chiết phục, đua nịnh, lừa dối v.v... vì có cảnh lỗi lầm là tăng thượng. Do đó, chỉ có người ngu không có tu học, đối với thiên thần kia, sinh kính yêu sâu đậm. Nếu các Hiền Thánh, thì chỉ ở đoạn diệt xa lìa, vắng lặng. Bi bình đẳng, đại trí, mọi đức tập thành đối với, Chư Phật Đức Thế Tôn sinh kính yêu sâu xa vì căn cứ ở nghĩa như thế, nên có tụng nói:

*Nghèo hèn, có mong cầu
Loại ngu, kính thiên thần
Giàu sang không mong cầu
Người trí chỉ kính Phật.*

Lại, nếu Cận sự kính lễ thiên thần, thì sẽ dẫn dắt đa số hữu tình,

tạo nên sự suy vi, tổn hại lớn, nghĩa là người thờ phụng trời đều nói thế này: Ô-ba-sách-ca đã tập quen sâu xa Phật giáo, hiện đến kính lễ ta thờ trời, tất nhiên có ôm lòng kính tin đối với thiên thần. Hay thay! Chúng ta không có quy y trái nhau. Lại, các thế gian, người ưa quán sát, tìm tòi Phật giáo, chưa nghiên cứu sự chân thật của Phật giáo, nhìn thấy thực trạng này, nên sinh ra chấp tà như thế. Phật giáo lẽ ra giống với truyện sách của thế gian, không hay quyết định nói nghĩa lý chân, mới khiến cho người hiểu Phật giáo như thế, lại, đến quy y chúng thần của chư thiên, dẫn dắt vô lượng hữu tình như thế v.v... làm tăng thêm chấp tà, gọi là thảm trạng suy vi, tổn hại lớn lao.

Cận sự kính lễ thiên thần như thế, là trái với tịnh, thuận với nhơ, Đức Phật đã ngăn dứt. Chính vì thế, không nên nói là không ngăn dứt.

Lại, không ngăn dứt, không nên làm nhân, như Đức Phật không ngăn Bí-sô xả giới, vì không hề có chỗ nào Phật nói thế này: Bí-sô không nên xả giới đã học, vì không phải đối với việc xả giới, Phật không hề ngăn dứt, thì pháp của các Bí-sô nên xả giới, vì thế, không nên nói: Ô-ba-sách-ca nên lễ thiên thần, vì Phật không ngăn dứt, nên nói vì có ơn, nên lễ trời ấy, cũng không đúng, vì nghe có oán.

Nghe nói, nỗi khổ của bệnh nóng, già chết v.v... cũng có khi được tạo nên do thiên thần kia, không nên nói nhất định ở đời có ơn. Lại, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ đối với Phật, chúng Bí-sô, nói là có ơn cung cấp, duyên mạng, khiến cho không có sự thiếu thốn. Há chúng Bí-sô phải lễ thí chủ.

Vì đã không nên lễ tất cả có ơn, nên nhân chỗ lập có lỗi không nhất định.

Lại, các hàm thức đều thọ dụng, do nghiệp mình chiêu cảm các quả dị thực. Thế nên, nói thờ cúng thần ở đời có ơn, có lỗi không thành.

Do đó, cũng đả phá vì h tổn hại, nên nhân, tất cả hữu tình đều dựa vào nghiệp mình, mà nói ai có sức làm tổn hại ai? Lại, hữu tình kia đối với người khác, đã làm tổn hại, ai là người có trí yêu kính kẻ oán ghét mình. Ở đời có người thiện, làm lợi ích người khác, các người nhờ được lợi ích, nên kính người kia. Tánh của các thiên thần này, thường hay giận dữ, thường ưa gây tổn não người khác, các hữu tình, như ganh tỵ, thù oán mình, không nên lễ kính. Vì thế, thuyết kia nói trở thành nhân trái nhau.

Lại, thấy thế gian quy kính trời: Thiên thần đối với họ, đôi khi làm suy yếu, cũng có hữu tình không kính trời, thiên thần đối với họ, không thể làm hại, nên thuyết kia nói không phải là nhân kính trời.

Nếu cho rằng như vua, cũng không đúng, vì pháp lệ thuộc, nường tựa của thế gian, lẽ ra như vậy, nên không phải các Cận sự điều lệ thuộc thiên thần. Tự là môn đồ tà lỗi kéo nhau về nường tựa, vua chúa của thế gian, chỗ dựa của dân chúng, không phải người xuất gia đều nên kính.

Thế nên, Cận sự không lễ kính tất cả thiên thần, lý ấy hẳn nhiên được thành lập.

